TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 182/2022/DS-ST Ngày: 28-6-2022. V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông **Trần Văn Nghiệm**.

2. Bà **Trần Thu Hồng**.

- **Thư ký phiên tòa**: Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà: ông Lê Thành Chí – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 05 năm 2022 về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

*****Nguyên đơn: Nguyễn Thị T (M), sinh năm 1969.
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.
*Bị đơn: Dương Kim V, sinh năm 1958.
Địa chỉ: ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh T.
***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
Dương Kim T, sinh năm 1961.
Địa chỉ: ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh T.
(Bà T (M) có mặt, bà V có mặt, bà T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị T (M) trình bày**:

Do là chổ quen biết nên vào ngày 25/11/2020, bà Dương Kim V có mượn của bà số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), bà V có viết giấy mượn tiền cho bà giữ. Giấy mượn tiền ngày 25/11/2020 là do bà V viết, bà V ký tên ghi họ tên. Giấy mượn tiền không ghi thời hạn trả tiền nhưng theo thỏa thuận miệng giữa bà và bà V thì thời hạn bà V trả lại số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) này cho bà là 06 (sáu) tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là

1,5%/tháng nhưng đến nay bà V không có trả cho bà được số tiền nào. Em của bà V là bà Dương Kim T, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh T có cầm xe cho bà vào ngày 25/5/2021 nhưng việc cầm xe của bà T đã hoàn tất xong không có liên quan gì đến số tiền bà V đã mượn của bà vào ngày 25/11/2020.

Việc bà V mượn tiền của bà không có liên quan gì đến bà T.

Nay bà yêu cầu:

- Bà Dương Kim V có nghĩa vụ trả số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 25/12/2020 đến ngày 25/3/2022, với mức lãi suất 0,83%/tháng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

*__Bị đơn bà Dương Kim V trình bày__:

Giấy mượn tiền ngày 25/11/2020 là do bà viết tại nhà của bà, bà có ký tên vào giấy mượn tiền này. Nay chị T (M) yêu cầu bà trả số tiền vay là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 25/12/2020 với lãi suất 0,83%/tháng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật thì bà không đồng ý do số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) này bà không có mượn, nhưng bà có viết và ký tên ghi họ tên vào giấy mượn tiền này là do em ruột bà là Dương Kim T có cầm chiếc xe SH mode cho bà T (M). Do lúc đó em bà là T không có ở nhà nên kêu bà viết thay nên bà mới viết giấy mượn tiền ngày 25/11/2020 này. Bà ký tên ghi họ tên vào giấy mượn tiền này do đây là giao dịch giữa em bà là T với bà T (M) nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện trên của bà T (M).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ kiên quan Dương Kim T trình bày:

Bà Dương Kim V là em ruột của bà, còn đối với bà T (M) thì chỉ biết với lý do bà cần tiền nên bà mới nhờ bà V hỏi chỗ nào có cầm xe thì cầm dùm bà 01 chiếc xe SH mode 63B6-170.38 do xe này của bà mua nhưng chưa sang tên, bà có đưa xe cho bà V đem gặp bà T (M) để cầm xe, cầm với số tiền là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), thì bà V có đưa lại cho bà 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) này, khoảng hai tuần sau do bà cần tiền nên bà và bà V đến để nhận thêm 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) nhưng bà T (M) nói do xe không chính chủ nên không cầm tiếp 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) mà chỉ đưa cho bà có 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Vậy tổng cộng bà đã nhận của bà T (M) số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng). Khi bà nhận đủ số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) thì chị T (M) lúc đó đang giữ chiếc xe SH mode này. Sau đó thì bà T (M) đến nhà bà V kêu bà V làm giấy mượn tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) do xe không chính chủ nên bà T (M) nói chỉ đồng ý cầm xe SH mode này với số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) mai mốt khi có giấy xe chính chủ tên bà T thì bà T (M) mới thống nhất cầm số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng). Chiếc xe SH này hiện nay bà T (M) đã thanh lý xong. Do bà T (M) xuống gặp bà V yêu cầu bà V viết giấy mượn tiền để khi nào bà T làm được giấy chính chủ thì sang tên bà T nên mới từ biên nhận cầm đồ ngày 25/11/2020 (trong giấy khi

ngày 25/11/2021) khi bà T có giấy chính chủ xe thì bà T (M) mới viết lại biên nhận cầm đồ ngày 25/5/2021.

***Tại phiên tòa**,

Nguyên đơn bà T (M) yêu cầu bà V trả số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà V không đồng ý theo yêu cầu của bà T (M).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T có đơn xin vắng mặt.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát***:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T (M): Buộc bà Dương Kim V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T (M) số tiền đã mượn là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) mà bà Dương Kim V còn nợ của bà Nguyễn Thị T (M).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị T (M), bà Dương Kim V, bà Dương Kim T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Kim T vắng mặt, bà T có đơn xin vắng mặt xét xử nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà T (M) yêu cầu bà Dương Kim V trả số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này của bà T (M) là có cơ sở bởi lẽ: Giữa bà T (M) và bà V có xác lập hợp đồng vay tài sản với chứng cứ là: Giấy mượn tiền lập ngày 25/11/2020 do bà V ký tên, ghi họ tên. Trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện thì bà V đều thống nhất thừa nhận biên nhận này do chính bà viết, bà ký tên, ghi họ tên. Tuy nhiên, bà V cho rằng bà không có mượn tiền của bà T (M) như bà T (M) trình bày mà lý do bà viết giấy mượn tiền này là do bà có cầm xe dùm bà T, sau đó bà T (M) mới kêu bà viết giấy mượn tiền này, thực chất giấy mượn tiền này là giao dịch cầm xe giữa

bà T (M) với bà T không có liên quan đến bà, bà không có mượn tiền như bà T (M) trình bày.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại giấy mượn tiền ngày 25/11/2020, do bà V thừa nhận bà viết, bà có ký tên ghi họ tên thể hiện nội dung: "Tôi tên Dương Kim V, sinh năm 1958. Ngụ tại: ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh T. Hôm nay là ngày 25-11-2020 tôi có mượn của chị M cầm đồ số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng)". Giấy mượn tiền này đã thể hiện rõ việc bà V có mượn của chị M số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Như vậy việc cầm xe như bà V trình bày không có liên quan đến nội dung giấy mượn tiền ngày 25/11/2020 do bà V viết. Trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà V cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời bà V trình bày. Đồng thời lời trình bày của bà V không được bà T (M) thừa nhận nên lời trình bày của bà V không đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4]. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Kim T cho rằng bà V không có mượn tiền bà T (M) như bà T (M) trình bày, mà đây là tiền cầm xe giữa bà và bà T (M). Như đã phân tích giấy mượn tiền ngày 25/11/2020 chỉ thể hiện nội dung bà V có mượn tiền của bà T (M) không thể hiện việc cầm xe giữa bà và bà T (M) nên lời trình bày của bà không đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5]. Xét yêu cầu trả lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T (M) không yêu cầu bà V trả lãi đối với số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

[6]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Dương Kim V là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên bà V không phải chịu án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Xử:</u> Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T (M).

- Buộc bà Dương Kim V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T (M) số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T (M) cho đến khi thi hành án xong, bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

***Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Do bà Dương Kim V là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí nên bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thia (Mai) số tiền là 465.000 đồng (bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006194 ngày 13/5/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện G.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bà Tím vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bà Tím nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh